TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 21/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 12 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 686/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu H., sinh năm 1987;

Bị đơn: Ông Phùng Tiến D., sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Số 45/23 Đường số 10, Khu phố 3, phường Q., Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Phan Thị Thu H. và ông Phùng Tiến D..

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu H. và ông Phùng Tiến D. thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận ký kết hôn số 66/2010, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường H., quận A., Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/7/2010).

Về con chung: vợ chồng có 02 (Hai) con chung họ, tên: Phùng Thị Minh T. (Nữ), sinh ngày 18/9/2010 và Phùng Bảo Q. (Nữ), sinh ngày 19/6/2014.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn bà Phan Thị Thu H. (Là mẹ) sẽ trực tiếp nuôi trẻ Phùng Bảo Q. (Nữ), sinh ngày 19/6/2014, ông Phùng Tiến D. (Là cha) sẽ trực tiếp nuôi trẻ Phùng Thị Minh T. (Nữ), sinh ngày 18/9/2010. Ông Phùng Tiến D., bà Phan Thị Thu H. không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phùng Tiến D., bà Phan Thị Thu H. có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự cam kết không có.

Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có.

Về án phí: Bà Phan Thị Thu H. tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0041805 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn lại cho bà H. 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường H, quận A, Thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (TK. Sang)

THẨM PHÁN

Đoàn Hồng Phúc